

NGUYỄN CÔNG TRÚ (1778 - 1858), NHỮNG KIẾN NGHỊ VỀ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

PHẠM THỊ ÁI PHƯƠNG*

Từ trước tới nay, đã có nhiều học giả luận bàn về thân thế, sự nghiệp của Nguyễn Công Trứ dưới nhiều góc độ khác nhau. Ông là một nhà khẩn hoang đại tài, một trí thức lớn, một nhà quân sự và cũng là một nhà thơ lớn của đất nước. Song, chưa thấy có tác giả nào đi vào tìm hiểu những đóng góp của Nguyễn Công Trứ đối với nền giáo dục ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX.

Nguyễn Công Trứ sinh ngày 1 tháng 11 năm Mậu Tuất (1778), tại làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Cha ông là Nguyễn Công Tấn từng làm Tri huyện huyện Quỳnh Côi và Tri phủ phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình dưới triều Lê - Trịnh. Khi Tây Sơn ra Bắc, Nguyễn Công Tấn từ quan, đưa gia quyến về quê, mở trường dạy học. Từ nhỏ, Nguyễn Công Trứ được cha để trực tiếp dạy dỗ. Tiếp thu kiến thức Nho giáo từ thân phụ và từ sách vở, nhưng vốn là người tài năng lại khoáng đạt trong hành xử. Sử thần của Quốc sử quán triều Nguyễn đã bình luận về cá tính của ông: "... Thuở nhỏ, phóng túng, không câu nệ, có khí tiết" (1).

Trên bước đường khoa cử và hoạn lộ, Nguyễn Công Trứ luôn gặp trắc trở. Khi còn là Nho sinh nghèo, ông đã hằng ấp ủ hoài bão lớn lao "xẻ núi, lấp sông" đem sở học và tài năng cống hiến cho đất nước. Năm 1803, khi vua Gia Long đi Bắc tuần, Nguyễn Công Trứ đã đến tận "dinh hành tại" để dâng "Thái bình thập sách". Rất tiếc là bản tâm sách của chàng thanh niên 26 tuổi đầy nhiệt huyết ấy đã bị thất truyền. Nếu còn, biết đâu rằng, trong đó cũng có những thỉnh kiến của Nguyễn Công Trứ về giáo dục, bởi lẽ, ông rất quan tâm đến vấn đề này. Vua Gia Long tiếp nhận "Thập sách" nhưng không thực thi vì trên thực tế, triều Nguyễn đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn sau nhiều thập kỷ chiến tranh, loạn lạc, đói kém. Và, cũng có thể, Nguyễn Công Trứ chỉ là "thường nhân" của đất Bắc Hà, chưa có "danh chính" để thuyết phục được Gia Long tin dùng. Sự kiện này có thể coi là một trong những động lực thúc đẩy Nguyễn Công Trứ quyết tâm theo đuổi con đường khoa cử, gia nhập chốn quan trường, vì ông biết, chỉ bằng phương thức ấy ông mới thực hiện được chí lớn "kinh bang tế thế", "vẫy vùng trong bốn bể".

* Viện Sử học.

Triều Gia Long định kỳ sáu năm một khoa thi Hương, không rõ Nguyễn Công Trứ dự thi mấy lần nhưng chỉ biết rằng ở khoa Quý Dậu, 1813, ông chỉ đỗ Sinh đồ (Tú tài) cho nên ở quê ông người ta còn gọi là Đồ Trứ. Đậu sinh đồ chưa đủ tư cách để làm quan, nên ông lại đợi thi tiếp. Năm 1819, Nguyễn Công Trứ đỗ đầu Hương khoa Kỷ Mão tại trường thi Nghệ An. Năm ấy ông đã 42 tuổi. Nguyễn Công Trứ giành danh hiệu thủ khoa dẫn đầu 111 hương cống (Cử nhân) của sáu trường thi: trường Trục Lệ đỗ 17 người, trường Nghệ An: 14 người, trường Thanh Hoa: 16 người, trường Thăng Long: 23 người, trường Sơn Nam: 30 người, trường Gia Định: 12 người” (2). Danh vọng khoa trường của ông mãi còn được người đời sau ngưỡng mộ:

“Đỏ xanh dấu cũ, mũ lông triều xưa

Bút cựa Nho xông thẳng trường văn, ba nghìn sĩ tử chịu co tay, tên đỏ chói đứng đầu bảng hổ” (3).

Nguyễn Công Trứ đạt thủ khoa Hương cống vào năm cuối của triều Gia Long và nhậm chức ngay năm đầu của triều Minh Mạng, năm 1820, với vị trí khiêm tốn “Hành tẩu” để “tập việc điển lệ”. Ông được làm Biên tu ở Quốc sử quán. Vì tài học, thi và năng lực thực tế, nên ngay năm sau, Ân khoa Tân Ty, Minh Mạng năm thứ 2, ngày mồng 3-8-1821 ông được triều đình trao chức Phúc khảo trường thi Sơn Nam (sau đổi là Nam Định). Nội dung *Chiếu* viết: “Chiếu Hàn lâm viện Biên tu Trứ quang tử là Nguyễn Công Trứ biết: Nay nhân Hương thi Ân khoa, triều đình chọn phái ông làm chức Phúc khảo trường thi Sơn Nam cùng đi với các quan khâm sai chấm thi đúng ngày tiến trường làm nhiệm vụ. Việc chọn nhân tài là phép lớn của triều đình, nên điểm duyệt tinh tường và công bằng để làm tròn

chức trách. Nhược bằng sơ suất không chăm thì đã có phép nước...” (4).

Sau bốn năm chấp bút ở Quốc sử quán và tham gia các công việc mà triều đình huy động đột xuất: chấm thi, phát chẩn thóc cho dân đói... đến năm 1824 Nguyễn Công Trứ được bổ thụ chức Huyện doãn huyện Mỹ Hào rồi lên Tham biện tỉnh Thanh Hóa. Ông từng nắm giữ những chức vụ trọng yếu trong Kinh lẫn ngoài tỉnh: Hình bộ Tham tri (1830), Binh bộ Thượng thư, Tổng đốc Hải Yên (1834), Phủ doãn Thừa Thiên (1848). Sau này, ngợi ca phẩm tài “trác lạc” và quan trọng xuất sắc của Nguyễn Công Trứ, Thượng thư bộ Học sung Phụ chính đại thần, Tổng tài Quốc sử quán cuối triều Nguyễn Cao Xuân Dục đã viết: “Ông là người văn võ kiêm toàn, làm quan ở đâu cũng có chính tích. Rất giỏi về thơ Nôm” (5).

Kể từ lần đầu làm Phúc khảo và cả hai lần sau Nguyễn Công Trứ được chọn làm Chủ khảo ở những vùng đất giàu truyền thống khoa bảng, nơi hội tụ nhiều anh tài, thì đều là vào những dịp trọng đại của đất nước, nên đều vào những năm triều đình tổ chức Ân khoa. Năm 1821, Ân khoa Tân Ty, Minh Mạng thứ 2, năm mà Nguyễn Công Trứ được làm Phúc khảo trường thi Hương Nam Định, là sự kiện mở đầu đánh dấu một quy cách tổ chức thi cử của triều Nguyễn và cũng đồng thời là để chúc mừng vua Minh Mạng mới đăng quang. Năm 1840, Ân khoa Canh Tý, Minh Mạng thứ 21, khi Nguyễn Công Trứ đương chức Tham tri bộ Binh, ông được làm Chủ khảo trường thi Hà Nội, là dịp mừng Ngũ tuần đại khánh của vua. Năm 1841, Ân khoa năm Tân Sửu, Thiệu Trị thứ nhất khi Nguyễn Công Trứ đang tại chức Phủ doãn Thừa Thiên, ông được mời làm chủ khảo

trường thi Nam Định, là năm mừng vua mới lên ngôi.

Nguyễn Công Trứ đã nhiều lần dâng kế sách về quân sự, khẩn hoang, trị thủy thủy lợi, an sinh... trong đó, có hai lần ông đệ trình *kiến nghị về giáo dục* lên vua Minh Mạng. Đó là vào các năm 1829 và 1836.

I. LẦN THỨ NHẤT: KIẾN NGHỊ VÀO THÁNG 3 NĂM 1829

Sau khi hoàn thành công cuộc khẩn hoang thành lập huyện Kim Sơn với số ruộng là 14.620 mẫu cấp cho hơn 1.260 dân nghèo chia thành 3 làng, 22 ấp, 24 trại, 4 giáp, 5 tổng (6). Lãnh Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ dâng sớ xin vua Minh Mạng đặt quy định chung để nhanh chóng thiết lập trật tự mọi mặt của đời sống cư dân trên vùng đất mới. Ông nói: “Những làng mới lập của các huyện Tiên Hải - Kim Sơn đều là nhóm hợp dân phiêu lưu chưa có liên hệ với nhau. Xin định quy ước khiến họ biết sự kiểm thúc, lâu sẽ thành quen” (7) Trong quy định năm điều thì “*Đặt trường học*” được xếp ở vị trí hàng đầu trước điều 2: “*Đặt xã thương*”, điều 3: “*Siêng dạy bảo*”, điều 4: “*Cẩn phòng thú*”, điều 5: “*Chăm khuyến răn*”. Việc kiến nghị triều Minh Mạng cho mở trường học ngay sau khi thiết lập đơn vị hành chính chứng tỏ ông đánh giá cao vị trí của giáo dục trong công cuộc ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa của hai huyện mới thành lập. Giáo dục vừa là động lực vừa là điều kiện cơ bản nâng cao dân trí và đồng thời cũng là phương thức hiệu quả, bền vững để bộ máy chính quyền hai huyện phát huy được chức năng quản lý dân cư. Nguyễn Công Trứ nêu rõ những bước thực hiện quy định “*Đặt trường học*”: “Mỗi ấp, mỗi làng đều dựng nhà học, đón một thầy học, làng thì lấy ruộng 10 mẫu, ấp thì 8

mẫu làm học điền, miễn đánh thuế. Ruộng học điền ấy, phải góp sức cùng làm, đầy năm thu hoạch, lưu làm bổng. Người đến 8 tuổi thì cho vào trường học, dạy cho các việc quét rửa, ứng đối, tới lui, các phép hiếu trung, tín, kính nhường, rồi sau mới dạy văn hữu. *Đến khi 16 tuổi đã hơi thành tựu thì theo thứ tự mà cho lên trường huyện, phủ, trấn. Nếu học không được thì cho đổi nghề khác*. Đến như trại, giáp thì một trại lấy 5 mẫu, giáp lấy 3 mẫu mà phụ vào ấp hay làng” (8).

Theo Nguyễn Công Trứ, để xây dựng và mở mang giáo dục, dân làng phải có quỹ khuyến học bằng cách lập “ruộng học điền”. Mọi gia đình đều phải góp công sức trồng cấy, thu hoạch để tạo nguồn kinh phí, chi trả việc học cho con em mình. Mỗi ấp, làng đều mở nhà học, mời thầy giáo chuyên trách. Hàng ngày, trẻ em từ 8 tuổi được cấp sách tới trường, được dạy đạo đức, tập thói quen lao động chân tay, dạy văn hóa ứng xử theo nghi lễ Nho giáo trong gia đình và xã hội rồi mới dạy chữ và kiến thức.

Vua Minh Mạng giao cho triều thần xem xét sớ của Nguyễn Công Trứ. Nhưng tiếc thay, Quy ước 5 điều trong đó có việc “*Đặt trường học*” ở hai huyện mới đã bị bác bỏ vì có ý kiến cho rằng: “Việc dạy dân hóa tục, cố nhiên quan hệ ở khi đầu, mà thi hành phép trị phải có thứ tự, cũng nên cân nhắc, việc hoãn việc gấp. Trong lời xin của Công Trứ việc mở trường học vốn là một việc của vương chính, nhưng làm ở khi dân đã đông lại giàu thì tốt. Nếu làm ở khi dân lưu tán mới nhóm thì chưa phải là việc cần kíp” (9).

Đáng lưu ý là trong kiến nghị lần này, Nguyễn Công Trứ đã nêu một vấn đề đặc biệt: đến năm 16 tuổi, khi những học trò không đủ sức theo học các trường ở cấp huyện, phủ, trấn thì hãy cho đổi nghề khác.

Nghị khoản này thể hiện tư tưởng thực tiễn của Nguyễn Công Trứ trong bối cảnh nền giáo dục Nho học đương thời mang nặng tính cử nghiệp, không đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội. Ngay vua Minh Mạng cũng từng phân trách về thực trạng học vấn bị suy thoái: “Lâu nay khoa cử làm cho người ta sai lầm. Trăm nghĩ văn chương vốn không có quy củ nhất định, mà nay những văn cử nghiệp chỉ câu nệ cái hủ sáo, khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự đó, khoa trường lấy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào mà nhân tài chẳng mỗi ngày một kém. Song tập tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại” (10).

Nền giáo dục khoa cử Nho học chỉ chú trọng trang bị cho học trò kiến thức về kinh sử, điển chương cổ xưa của Trung Hoa. Ngoài việc học thuộc lòng nội dung của các sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh* cùng với các chú giải của học phái Chu Tử, họ còn phải dày công luyện tập để thành thạo cách làm các loại văn thi cử theo các thể loại: kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, chiếu, chế, biểu. Trải qua nhiều thế hệ, giáo trình học, hình thức thi hầu như không thay đổi. Nền giáo dục khoa cử Nho học mà mục đích chủ yếu là đào tạo đội ngũ quan lại cho bộ máy chính quyền với kiến thức và kỹ năng của các công việc hành chính, nên xa rời khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, không có chương trình dạy nghề để sớm hướng nghiệp cho mỗi người, tùy theo khả năng khi họ đang độ tuổi đi học. Cả xã hội chỉ có con đường danh lợi duy nhất là học, thi để làm quan nên đã tạo ra lớp người kiên trì theo đuổi “nghiệp lều chõng” đến bạc đầu. Cùng thời với Nguyễn Công Trứ có Đặng Huy Giản - cha của Đặng Huy Trứ, quê ở huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên, “chỉ

đỗ đến 5 khoa tú tài” (11), hay sau này, Dương Quang người Sơn Lăng, Hà Nội “chăm học có tiếng giỏi “thi luôn hơn 10 khoa” mới đỗ cử nhân (12)....

Đề xuất chuyện hướng nghiệp cho những người từ độ tuổi 16 đã cho thấy quan niệm của Nguyễn Công Trứ khác hẳn với suy nghĩ của đại đa số Nho sĩ. Với ông “nghề học” không phải là duy nhất trong xã hội. Ngay từ trẻ, ngoài “cử nghiệp” người ta có thể lựa chọn ngành nghề khác phù hợp với năng lực để đem lại hiệu quả thiết thực cho mỗi người, gia đình và cộng đồng. Từ suy nghĩ thực tiễn, cộng với kinh nghiệm thi cử lận đận của bản thân và những chứng kiến khi tham gia phúc khảo, chủ khảo ở trường thi, ông đã nhìn thấy bất cập của giáo dục Nho học. Là người hành động, ông không thiên về phê phán mà muốn đưa ra giải pháp để khắc phục dần hạn chế của nền học vấn.

Nền giáo dục Nho học trì trệ, lạc hậu về mặt “đào tạo”, tất yếu dẫn đến hệ quả là sản phẩm “sử dụng” sẽ kém chất lượng. Vì thế Nguyễn Công Trứ cho rằng khoa cử không phải là con đường tuyển chọn chính xác, phản ánh sát thực năng lực làm việc của quan lại trong bộ máy công quyền. Bằng chứng của tư tưởng giáo dục tiến bộ ấy là vào thời điểm Nguyễn Công Trứ dâng sớ “*Đặt trường học*”, ông cũng tâu xin vua Minh Mạng bổ nhiệm Tri huyện huyện Tiên Hải theo tiêu chí riêng. Khác với đa số những trường hợp tiến cử khác, Nguyễn Công Trứ không nhằm vào đối tượng có “chân khoa mục” mà chỉ xin “chọn người hợp với địa phương làm Tri huyện để phủ dụ khuyên bảo” (13). Lúc ấy, với tư cách là Doanh điền sứ Nam Định, ông cùng với Thự hiệp trấn Nam Định Nguyễn Nhược Sơn cùng ký tên “bầu cử thổ hào Phí Quý

Trại” Thự quyền chức Huyện thừa huyện Tiên Hải. Sử cũ chép: “Trứ trước đi Doanh điền sứ ở Nam Định, có tên quyền sai đội trưởng ở trấn là Phí Quý Trại, có tiếng là hào phú, từng được theo đi để sai phái, đến nay Nhược Sơn vào châu, Trại theo đi” (14). Qua dòng tư liệu ngắn ngủi này có thể suy đoán được trong công cuộc khẩn hoang thành lập hai huyện Kim Sơn, Tiên Hải, Phí Quý Trại luôn sát cánh cùng Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Nhược Sơn. Vì là người bản địa, am hiểu được tình hình địa phương, có thể Trại đã tư vấn cho hai ông từ lúc vạch kế hoạch đến suốt quá trình triển khai khẩn hoang. Hơn nữa, là hào phú, Trại cũng hỗ trợ tích cực tài, lực để Nguyễn Công Trứ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong quá trình hợp tác, Nguyễn Công Trứ đã thấy ở Phí Quý Trại năng lực quản lý và điều hành không thua kém, thậm chí còn tốt hơn cả người có danh hiệu “Khoa mục, cống cử”.

Quyết định táo bạo của Nguyễn Công Trứ là bổ nhiệm thổ hào vào “cấp huyện” vì lợi ích cho cư dân ở vùng đất mới đã gây dư luận bất bình trong đám Nho thần. Theo họ, ông đã “liều lĩnh” vi phạm quy chế tuyển dụng quan huyện của triều Nguyễn. Theo một đạo dụ của vua Minh Mạng thì “trừ Cử nhân được chiếu lệ bổ quyền Thự tri huyện ra, còn các Giám sinh, Ấm sinh, Tôn sinh đều do quan cấp trên ở các địa phương ấy, chiếu trong hạt có khuyết Tri huyện, Huyện thừa thì cân nhắc tâu lên cho xin quyền thự” (15). Hai năm sau khi Phí Quý Trại được làm Huyện thừa huyện Tiên Hải, tháng 1 năm 1830, Tả thị lang Hộ Bộ là Hoàng Quýnh đã dâng sớ đàn hặc Thự hữu tham tri Hình bộ Nguyễn Công Trứ và Thự hiệp trấn Nam Định Nguyễn Nhược Sơn vì “tội thiên vị”, cử người không

đúng. Sớ đại lược viết: “Trại chỉ là một kẻ hào phú ở Nam Định, ruộng đất công tư bị nó bao chiếm, dân nghèo vô sản nghiệp bị nó sai khiến, nếu việc cất nhắc này mà đất, không những bọn sĩ phu Khoa mục Cống cử làm phủ huyện ở ngoài xấu hổ phải đứng cùng hàng, mà một huyện Tiên Hải, tất lại sẽ là một nơi sào huyệt của những kẻ trốn tránh. Huống chi quan tước là do các tiên đế cùng thế tổ cao hoàng đế để lại cho hoàng thượng, để đãi kẻ hiền tài trong thiên hạ, cho nhà nước dùng, cho nên chỉ một tự hay nửa cấp hoàng thượng cũng chưa từng lấy tình thân ái mà cho riêng ai. Hai gã kia, nghĩ thế nào mà dám lấy quan tước của triều đình làm cái quà của mình để thù đáp riêng. Xin trị tội để ngăn chặn con đường cầu cạnh, mà răn những kẻ bề tôi đối vua làm riêng” (16).

Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Nhược Sơn đã dâng tấu giải thích rõ mục đích và quá trình đề cử Phí Quý Trại. Vua Minh Mệnh xem kỹ bản tường trình của cả hai bên. Xét phía hặc tội Hoàng Quýnh “tâu bày trong sớ vạch tội phần nhiều là có thiên tư, chưa tìm ra việc thực”; còn bên Nguyễn Công Trứ thì vua phán là phạm tội “trái lệ xin bừa”, vả lại, lời gỡ trong tập tâu trả lời cũng phần nhiều chưa rõ ràng” (17). Vua Minh Mạng giao cho đình thần đối chất nghị xử. Đình thần không tìm được chứng cứ quy kết Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Nhược Sơn “tư tình nhận của lót” nhưng luận tội hai người là “dụng tâm thiên tư” nên đã “đi tắt, cử liều”, “lạm cử người không xứng” cho Phí Quý Trại, một người “không có học thuật gì” làm Thự huyện thừa. Toàn bộ thành viên của hội đồng xét xử yêu cầu cách chức cả hai người.

Vua Minh Mệnh biết rõ Nguyễn Công Trứ là người thanh liêm, không nhận hối lộ

của Phí Quý Trại nên đã “đặc ân” giáng bổ Nguyễn Công Trứ làm Tri huyện Kinh huyện, Nguyễn Nhược Sơn xuống làm Tri huyện huyện Tiên Hải, còn Phí Quý Trại bị phạt đánh 100 trượng, truy thu lại văn bằng bổ nhiệm, đuổi về quê để chịu sai dịch.

Vụ án Phí Quý Trại đã phản ánh phẩm cách Nho thân khác người của Nguyễn Công Trứ. Được thụ hưởng nền giáo dục Nho học từ nhỏ, Nguyễn Công Trứ cũng thấm nhuần sâu sắc những tín điều Khổng - Mạnh, ông cũng đã từng tuyên bố “chẳng quân thân phụ tử đêch ra người”, nhưng ông lại suy nghĩ và hành động thực tiễn, sáng tạo, không chịu sự cương tỏa của vòng vây giáo điều như đại đa số quan lại mà Hoàng Quýnh là đại diện. Ông coi trọng học vị, nhưng học vị phải thể hiện đúng thực lực của mỗi người. Việc ông mạnh bạo đề đạt hào phú Phí Quý Trại vào chức Huyện thừa ngang tầm với chức sắc “hàng huyện”, “xuất thân từ Khoa mục, Cống, Giám” chứng tỏ ông không quá sùng thượng khoa danh của nghề học, coi “nghề học” cũng tương đương như bao nghề khác. Hơn thế, ông thẩm định giá trị của con người ở năng lực đích thực được thể hiện qua thực tế cống hiến cho cộng đồng. Vì thế, ông nhìn thấy ở Phí Quý Trại, một địa chủ kinh doanh trong nông nghiệp, một khả năng, một xu hướng phát triển mới làm lợi cho bản thân và quần cư ở vùng khẩn hoang.

Hơn mười năm chấp chính, Nguyễn Công Trứ hiểu thấu nguyên tắc đào tạo và sử dụng quan lại của triều Nguyễn, nhưng với bản tính năng động, tiến bộ, ông đã quyết tâm “dấn thân” mà không tính toán đến hậu quả khôn lường. Vụ Phí Quý Trại là một trong hai án cách giáng nặng nhất

mà Nguyễn Công Trứ phải gánh chịu trong gần 30 năm quan lộ (18). Khác với ông, Hoàng Quýnh và đông đảo quần thần lại nhìn Phí Quý Trại với con mắt định kiến lệch lạc: “Trại không có tài năng gì khác chỉ lo lợi riêng mà cầu cạnh” (19). Đây là quan điểm phiến diện hẹp hòi đối với thương nhân của giới sĩ phu, sản phẩm của nền giáo dục Nho học. Hạn chế của nền giáo dục ấy là “đã đúc các trí óc trong cùng một khuôn, làm cho tất cả giới sĩ phu suy nghĩ theo một lối nhất định, cảm theo một lối nhất định và hành động theo những nguyên tắc cố định” và, vì thế đã “thủ tiêu các cá tính, những sắc thái độc đáo của nhân tài” (20).

II. LẦN THỨ HAI: KIẾN NGHỊ VÀO THÁNG 2 NĂM 1836

Bảy năm sau kiến nghị lần thứ nhất vào tháng 2 năm 1836, khi đang giữ chức Tổng đốc Hải - Yến, Nguyễn Công Trứ lại đề nghị triều Minh Mạng chấn chỉnh đội ngũ giáo chức. Ông nói: “Bấy nay, Giáo thụ, Huấn đạo phần nhiều không được sĩ tử tin theo, đó là vì giáo chức, bỏ người chỉ đỗ Tú tài, học thức không gì nổi trội hơn người, nếu không làm thỏa được lòng mong ước của sĩ tử. Vậy xin, hãy lấy những Cử nhân hậu bổ điền vào, còn Tú tài làm Giáo Huấn trước thì cho về học thêm, để đợi kỳ thi. Lại xin cấp thêm tiền và gạo dưỡng liêm cho từ Đốc học đến Huấn đạo để họ chuyên tâm dạy dỗ” (21).

Xuất phát từ quan niệm thầy dạy phải giỏi thì học trò mới giỏi nên xin Nguyễn Công Trứ xin vua Minh Mạng đầu tư tài chính và thời gian để rà soát lại và nâng cấp hàng ngũ giáo chức từ Giáo thụ đến huấn đạo. Lúc đó, nhìn chung, chất lượng của giáo chức thuộc biên chế nhà nước còn hạn chế, nên đã có hiện tượng trong số họ

“phần nhiều không được sĩ tử tin theo”. Muốn chấn hưng nền giáo dục Nho học thì phải bắt đầu từ người thầy. Thầy giáo phải tận tâm với nghề, có kiến thức, vững vàng về chuyên môn, có phong cách để học trò nể trọng. Những tiêu chí ấy được Nguyễn Công Trứ hội tụ trên hai mặt: kiến thức và học vị. Do đó, ông xin vua bổ nhiệm những người đã đỗ Cử nhân, còn với số Giáo thụ, Huấn đạo đang chỉ là Tú tài thì cho về học thêm để thi lấy bằng Cử nhân. Hơn nữa, để tăng cường trách nhiệm và tạo điều kiện cho đội ngũ giáo học chuyên tâm với nghề sư phạm, Nguyễn Công Trứ xin vua cấp thêm “bổng dưỡng liêm” cho họ cũng như các quan viên trong bộ máy hành chính các cấp.

Thời gian này, triều Nguyễn đang tiến hành cải cách hành chính bộ máy nhà nước, cũng gặp khó khăn về nhân lực và tài chính nên vua Minh Mạng không chuẩn y số của Nguyễn Công Trứ. Nhà vua nói: “Giáo thụ, Huấn đạo không được sĩ tử tin theo, lệ ấy thực có đã lâu, duy học thần hay hay dở, đã có chương trình phân xử rồi. Nay muốn rút những Tú tài làm Giáo Huấn về, mà bổ Cử nhân thay vào, chắc đâu những Cử nhân học thức đã hơn hết cả Tú tài? Sở kiến của người không khỏi có chỗ lệch lạc! Hơn nữa, những Cử nhân hậu bổ được sung vào chức Tri huyện, thường thường bổ đến hết ngạch, còn đâu mà sung điền vào giáo chức? Tóm lại, nấn quá hóa hỏng, không thi hành được. Đến như điển lệ dưỡng liêm vì chức phủ huyện gần gũi

với dân, nên cấp cho thêm để khuyến khích lòng liêm chính. Còn học quan thì việc ít, không như phủ huyện, nếu cũng tăng bổng dưỡng liêm cả một loạt, thì các ty trong Kinh ngoài trấn, đâu đâu cũng có chức sự, sao lại ưu đãi riêng các học thần? Vậy không chuẩn cho những điều đã xin” (22).

Xét toàn bộ nội dung tấu trình của Nguyễn Công Trứ trong cả hai lần kiến nghị thì việc đề xuất hướng nghiệp cho học trò từ 16 tuổi với quyết định đề cử Phí Quý Trai, một hào phú vào làm huyện thừa mới là ý tưởng và kiến giải nổi bật, thể hiện tư tưởng cấp tiến của ông. Từ tâm thế của một danh thần, luôn hành xử theo phong cách thực tiễn, sáng tạo, Nguyễn Công Trứ đã dám đề xuất, dám thực thi giải pháp sử dụng nhân sự “vượt rào” quy chế “bổ thụ” của triều đình, bất chấp đối đầu và hệ lụy. Nếu cách thức chọn dụng người theo hướng mới ấy được chấp nhận, thì đương nhiên, sẽ có tác động tích cực trở lại đến khâu đào tạo. Đào tạo phải tự chuyển biến để tương thích với yêu cầu nhiệm dụng nhân sự đã thay đổi. Kiến nghị của Nguyễn Công Trứ tuy chỉ dừng ở phạm vi cục bộ, chưa mang tính tổng thể, nhưng đã hàm chứa khả năng cách tân dần hệ thống giáo dục Nho học bảo thủ trì trệ, kéo dài nhiều thế kỷ. Tư tưởng giáo dục độc đáo của Nguyễn Công Trứ là điều kiện thuận lợi để bắt nhịp với dòng canh tân theo hướng phương Tây vào nửa sau thế kỷ XIX mà Nguyễn Trường Tộ là đại diện.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam chính biên liệt truyện*, tập III, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 372.

(2). Cao Xuân Dục: *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 80.

(3). Theo *Lê Thuộc, Hoàng Ngọc Phách, Trương Chính* giới thiệu, hiệu đính, chú thích: *Thơ văn Nguyễn Công Trứ*, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội, 1958, tr. 172, 173, đây là hai câu đầu trong bài văn tế Thân Dục bảo trung hưng linh phù đế

Doanh bình hầu Nguyễn Công Trứ của Hương đạo huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Bảng hổ: bảng yết tên những người thi đỗ.

(4). *Thơ văn Nguyễn Công Trứ*, sdd, tr. 188.

(5). Cao Xuân Dục: *Quốc triều hương khoa lục*, sdd, tr. 112.

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IX. Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 220.

(7), (8), (9). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IX, sdd, tr. 220, 220, 222.

(10). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Minh Mệnh chính yếu*, tập V. Tủ sách cổ văn ủy ban dịch thuật, Bộ Văn hóa giáo dục và Thanh niên xuất bản, Sài Gòn, 1974, tr. 83.

(11). *Đại Nam chính biên liệt truyện*, tập III, sdd, tr. 370.

(12). *Đại Nam chính biên liệt truyện*, tập IV, tr. 434.

Sơn Lãng thuộc Ứng Hòa, Hà Tây.

(13). *Đại Nam thực lục*, tập IX, sdd, tr. 220.

(14), (16). *Đại Nam thực lục*, tập X, sdd, tr. 220, 200.

(15). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam hội điển sự lệ*, tập II, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 303.

(17). *Đại Nam hội điển sự lệ*, tập II, tr. 303. Trong sách *Đại Nam hội điển sự lệ* lại ghi tên của Phí Quý Trại (費 貴 賽) là Hạ Quý Trại (賀 貴 賽). Chúng tôi theo bản dịch của *Đại Nam thực lục*, tập X, xuất bản năm 1964, tr. 200.

(18). Nguyễn Công Trứ làm quan bị giáng cách nhiều lần, nhưng nặng nhất là vì bổ nhiệm Phí Quý Trại nên ông đang làm thụ hữu tham tri Hình bộ bị giáng xuống Kinh tri huyện; và khi đang làm An Giang tuần phủ bị cách làm thú binh.

(19). *Đại Nam thực lục*, tập X, sdd, tr. 200.

(20). Nguyễn Thế Anh: *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Nxb. Lửa thiêng, Sài Gòn, 1970, tr. 77.

(21), (22). *Đại Nam thực lục*, tập XVIII, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, tr. 272, 272.

